

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 124/2023/DS-ST

Ngày 24/7/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**  
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **NGUYỄN VĂN TU**

2. Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **CHIÊM HẢI AN** - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **N H T M C P S G T T.**

Địa chỉ: Số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Phan Minh K, sinh năm 1980 (Có mặt)

Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch C B

Địa chỉ: Ấp .., xã P A, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Ông **VÕ VĂN T** sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

2. Bà **TRẦN THỊ P** sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp , xã M T N, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện từ tự khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Minh K trình bày:

Ông VÕ VĂN T và bà TRẦN THỊ P ký hợp đồng tín dụng số 202126326689 ngày 13/10/2021 với Ngân hàng TMCP S G T T- Phòng giao dịch C B vay số tiền 1.000.000.000đ, thời hạn cấp hạn mức là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay của từng khoản cấp tín dụng được xác định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng, lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ, lãi suất 12%/năm, tài sản bảo đảm theo Hợp đồng số 202126326689 ngày 13/10/2021 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 216, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.878,2m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước tại ấp P T, xã P N, huyện C L, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB632459, số vào sổ cấp giấy CS 03514 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2021 cho ông VÕ VĂN T đứng tên, theo đó ngày 12/10/2022 ông T, bà P ký giấy nhận nợ số tiền 1.000.000.000đ, ngày đáo hạn là ngày 12/10/2023, đến ngày 12/3/2023, ông T, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nhiều lần Ngân hàng liên lạc nhắc nhở nhưng ông T, bà P không thực hiện, tính đến ngày 24/7/2023 ông T, bà P nợ Ngân hàng vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 51.688.259đ, lãi chậm trả phát sinh 1.057.566đ, tổng số tiền tạm tính thời điểm ngày 24/7/2023 đối với hợp đồng thế chấp là 1.052.745.825đồng. Ngoài ra trên cơ sở hợp đồng tín dụng có thế chấp số 202126326689 ngày 13/10/2021, ông T ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1847438 ngày 19/10/2021 với hạn mức sử dụng là 100.000.000đ, ngày 12/10/2022 hạn mức được nâng lên theo lịch sử thanh toán của khách hàng là 200.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển, tính đến ngày 24/7/2023 ông T chưa thanh toán vốn, lãi là 206.338.999đ và cùng ngày 19/10/2021 bà P ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1847455 ngày 19/10/2021 với hạn mức sử dụng là 100.000.000đ, ngày 12/10/2022 hạn mức được nâng lên theo lịch sử thanh toán của khách hàng là 200.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân, do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển, tính đến ngày 24/7/2023 bà P chưa thanh toán vốn, lãi là 179.835.285đồng, tính đến ngày 24/7/2023 tổng số tiền sử dụng thẻ tín dụng ông T, bà P chưa thanh toán Ngân hàng là 386.174.284đ

Nay Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu ông VÕ VĂN T và bà TRẦN THỊ P trả số tiền theo hợp đồng Tín dụng số 202126326689 ngày 13/10/2021 số tiền 1.052.745.825 đồng (trong đó vốn 1.000.000.000đ và 52.745.825đ lãi suất) và trả

theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1847438 và hợp đồng số 1847455 cùng ngày 19/10/2021 số tiền 386.174.284đ và lãi phát sinh theo các hợp đồng tính dụng đã ký từ sau ngày 24/7/2023.

***- Bị đơn ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng không ghi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà P là phù hợp theo quy định pháp luật.***

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Bị đơn ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P cư trú: Ấp , xã M T N, huyện C L, tỉnh Tiền Giang, do đó tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn là ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông VÕ VĂN T và bà TRẦN THỊ P ký hợp đồng tín dụng số 202126326689 ngày 13/10/2021 với Ngân hàng TMCP S G T T- Phòng giao dịch C Bvay số tiền 1.000.000.000đ, hạn mức cấp trong thời hạn 3 năm, thời hạn cho vay của từng khoản cấp tín dụng được xác định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng, lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ, lãi suất 12%/năm, mục đích sử dụng vốn để sản xuất nông nghiệp và buôn lúa gạo, tài sản bảo đảm theo Hợp đồng số 202126326689 ngày 13/10/2021 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB632459 do ông VÕ VĂN T đứng tên, theo đó ngày 12/10/2022 ông T, bà P ký giấy nhận nợ số tiền 1.000.000.000đ, ngày đáo hạn là ngày 12/10/2023, đến ngày 12/3/2023 ông T, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 24/7/2023 ông T, bà P nợ Ngân hàng vốn gốc 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 51.688.259đ, lãi chậm trả phát sinh 1.057.566đ, tổng số tiền là 1.052.745.825đồng; Ngoài ra trên cơ sở hợp đồng tín dụng có thế chấp số 202126326689 ngày 13/10/2021, ông Toàn ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1847438 ngày 19/10/2021, bà P ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1847455 ngày

19/10/2021 với hạn mức sử dụng là 100.000.000đ, ngày 12/10/2022 hạn mức được nâng lên 200.000.000đ, do ông T, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T, bà P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển, tính đến ngày 24/7/2023 ông T chưa thanh toán số tiền 206.338.999đ, bà P chưa thanh toán số tiền 179.835.285đồng, tổng số tiền sử dụng thẻ tín dụng vợ chồng ông T, bà P chưa thanh toán là 386.174.284đ. Bị đơn ông T, bà P vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã phát sinh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, yêu cầu ông VÕ VĂN T và bà TRẦN THỊ P trả số tiền theo hợp đồng Tín dụng số 202126326689 ngày 13/10/2021 là 1.052.745.825 đồng (trong đó vốn 1.000.000.000đ và 52.745.825đ lãi suất) và trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1847438 và hợp đồng số 1847455 cùng ngày 19/10/2021 số tiền 386.174.284đ, sau ngày 24/7/2023 phải trả lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp cùng số 202126326689 cùng ngày 13/10/2021 ông T, bà P vay số tiền 1.000.000.000đ, giấy nhận nợ 12/10/2022, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1847438 ngày 19/10/2021 và hợp đồng số 1847455 cùng ngày 19/10/2021 được cơ quan thẩm quyền chứng thực, có cơ sở xác định việc vay tiền giữa vợ chồng ông T, bà P với Ngân hàng TMCP S G T T là có thật, do ông T, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện; Còn bị đơn anh Toàn, chị Phụng mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập mời hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật quy định nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở được chấp nhận.

[4] Đối với tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB632459, số vào sổ cấp giấy CS 03514 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2021 cho ông VÕ VĂN T đứng tên. Do các bên không tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Trường hợp ông T, bà P không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N H T M C P S G T T.

- Buộc ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P trả cho N H T M C P S G T T theo hợp đồng Tín dụng số 202126326689 ngày 13/10/2021 số tiền 1.052.745.825đ (một tỉ không trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) (trong đó vốn 1.000.000.000đ và 52.745.825đ lãi suất).

- Buộc ông Võ Văn T, bà TRẦN THỊ P trả cho N H T M C P S G T T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1847438 và hợp đồng số 1847455 cùng ngày 19/10/2021 số tiền 386.174.284đ (ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 24/7/2023 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

#### **Về án phí:**

Ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P phải chịu 55.167.603 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho N H T M C P S G T T số tiền 26.379.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017389 ngày 24/3/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

**Về quyền kháng cáo:** N H T M C P S G T T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi Cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Kim Ngọc**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Số: ...../2023/DSST

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

C B, ngày 07 tháng 7 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

\* Với thành phần Hội đồng xét xử:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc**.

- Các Hội thẩm:

1- Ông **Nguyễn Văn Tư**

2- Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**

Vào hồi . . . . . giờ . . . . . ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 125/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: **N H T M C P S G T T**.

Địa chỉ: Số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Phan Minh K, sinh năm 1980 (Có mặt)

Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch C B

Địa chỉ: Ấp .., xã P A, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Ông **VÕ VĂN T** sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

2. Bà **TRẦN THỊ P** sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp , xã M T N, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi xem xét các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

**I. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** + Kết quả biểu quyết: 3/3.

“*Hợp đồng tín dụng*”.

**II. Về điều luật áp dụng:** + Kết quả biểu quyết: 3/3.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**III. Về nội dung:** + Kết quả biểu quyết: 3/3.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N H T M C P S G T T.

- Buộc ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P trả cho N H T M C P S G T T theo hợp đồng Tín dụng số 202126326689 ngày 13/10/2021 số tiền 1.052.745.825đ (một tỉ không trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) (trong đó vốn 1.000.000.000đ và 52.745.825đ lãi suất).

- Buộc ông Võ Thanh Toàn, bà TRẦN THỊ P trả cho N H T M C P S G T T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1847438 và hợp đồng số 1847455 cùng ngày 19/10/2021 số tiền 386.174.284đ (ba trăm tám mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 24/7/2023 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

**Về án phí:**

Ông VÕ VĂN T, bà TRẦN THỊ P phải chịu 55.167.603 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho N H T M C P S G T T số tiền 26.379.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017389 ngày 24/3/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

**Về quyền kháng cáo:** N H T M C P S G T T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**